

## Phụ lục 1

## BIỂU CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH PCI TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số: 1717/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)



STT	Chỉ số thành phần PCI	Năm 2020		Đến năm 2021		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Phân công lãnh đạo UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện
		Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)		
	<b>Tổng</b>	<b>61.98</b>	<b>57</b>	<b>64.07</b>	<b>48-55</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>Đồng chí Trần Tiến Dũng - Chủ tịch UBND tỉnh</b>
1	Gia nhập thị trường	7.82	31	8.00	20-30	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đồng chí Giàng A Tính - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
2	Tiếp cận đất đai	5.78	62	6.10	55	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đồng chí Hà Trọng Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
3	Tính minh bạch	6.50	4	6.51	<5	Sở Tư pháp	Đồng chí Trần Tiến Dũng - Chủ tịch UBND tỉnh
4	Chi phí thời gian	6.04	63	6.80	50-60	Thanh tra tỉnh	Đồng chí Tống Thanh Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
5	Chi phí không chính thức	5.98	53	6.50	45-50	Thanh tra tỉnh	Đồng chí Hà Trọng Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
6	Cạnh tranh bình đẳng	6.67	28	6.80	15-20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đồng chí Giàng A Tính - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
7	Tính năng động	6.56	22	6.80	10-20	Văn phòng UBND tỉnh	Đồng chí Tống Thanh Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
8	Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	5.64	41	5.90	30-40	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đồng chí Giàng A Tính - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
9	Đào tạo lao động	5.94	49	6.00	47	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Đồng chí Tống Thanh Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh
10	Thiết chế pháp lý và ANTT	6.84	30	7.00	20-30	Tòa án Nhân dân tỉnh	Đồng chí Trần Tiến Dũng - Chủ tịch UBND tỉnh

**Phụ lục 2**

**ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI, CHỦ TRÌ THEO DỘC CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI NĂM 2021**

(Kèm theo Kế hoạch số: 1718/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu )

STT	Chỉ số thành phần PCI *	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Gia nhập thị trường</b>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.1.	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.2.	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.3.	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.4.	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.5.	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHCC, bưu điện(%))	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.6.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.7.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.8.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.9.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.10.	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
<b>2</b>	<b>Tiếp cận đất đai</b>	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.1.	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.2.	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.3.	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.4.	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.5.	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.6.	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
2.7.	Việc cung cấp thông tin về đát đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.8.	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.9.	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.10	DN thực hiện TTHC đát đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2.11	Không có GCNQSĐĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
<b>3</b>	<b>Tính minh bạch</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	
3.1.	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	
3.2.	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Tư pháp	
3.3.	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	Sở Tài chính	
3.4.	Thông tin mời thầu được công khai(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3.5.	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
3.6.	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
3.7.	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
3.8.	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	Cục thuế tỉnh	
3.9.	Dữ liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn)	Sở Tư pháp	
3.10.	Vai trò HHDN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/rất lớn)	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu	
3.11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	Sở Thông tin và truyền thông	
3.12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	Sở Thông tin và Truyền thông	
<b>4</b>	<b>Chi phí thời gian</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	
4.1.	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	Sở Tư pháp	
4.2.	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	Sở Nội vụ chủ trì	

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
4.3.	CBCC thân thiện (%)	Sở Nội vụ chủ trì	
4.4.	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
4.5.	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
4.6.	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa các huyện, thành phố	
4.7.	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
4.8.	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	Thanh tra tỉnh	
4.9.	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thanh tra tỉnh	
4.10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	Thanh tra tỉnh	
4.11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ nhũng nhiễu DN(%)	Thanh tra tỉnh	
<b>5</b>	<b>Chi phí không chính thức</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	
5.1.	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
5.2.	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	Thanh tra tỉnh	
5.3.	Tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
5.4.	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
5.5.	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	Thanh tra tỉnh	
5.6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	Thanh tra tỉnh	
5.7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đắt đai(%)	Thanh tra tỉnh	
5.8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
5.9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
<b>6</b>	<b>Cạnh tranh bình đẳng</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	

STT	<b>Chỉ số thành phần PCI</b>	<b>Đơn vị đầu mối/chủ trì</b>	<b>Ghi chú</b>
6.1.	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN” (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.2.	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6.3.	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	Ngân hàng Nhà nước - CN tỉnh Lai Châu	
6.4.	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6.5.	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	
6.6.	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.7.	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.8.	Tỉnh ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.9.	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6.10.	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	Cục thuế tỉnh	
6.11.	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.12.	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.13.	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6.14.	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
7	<b>Tính năng động</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	
7.1.	UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN(%)	Văn phòng UBND tỉnh	
7.2.	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	Văn phòng UBND tỉnh	
7.3.	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực(%)	Văn phòng UBND tỉnh	
7.4.	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành(%)	Sở Nội vụ	
7.5.	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)	UBND huyện, thành phố	
7.6.	Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả”	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố	

STT	<b>Chỉ số thành phần PCI</b>		<b>Đơn vị đầu mối/chủ trì</b>	<b>Ghi chú</b>
	7.7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đôi thoại DN(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	7.8	DN nhận được phản hồi của CQNN tĩnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	7.9	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tĩnh(%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
<b>8</b>	<b>Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp</b>		<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	
	8.1.	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua (BCT)	Sở Công thương	
	8.2.	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	8.3.	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	8.4.	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (%)	Sở Công thương	
	8.5.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT(%)	Sở Công thương	
	8.6.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	Sở Công thương	
	8.7.	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	Sở Tư pháp	
	8.8.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	Sở Tư pháp	
	8.9.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL(%)	Sở Tư pháp	
	8.10.	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	Sở Công thương	
	8.11.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	Sở Công thương	
	8.12.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD(%)	Sở Công thương	
	8.13.	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL	
	8.14.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL	
	8.15.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM(%)	Trung tâm xúc tiến ĐT-TM-DL	
	8.16.	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	
	8.17.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	Sở Khoa học và Công nghệ	
	8.18.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ(%)	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
8.19.	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8.20.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về Kế toán tài chính (%)	Sở Tài chính	
8.21.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về Kế toán tài chính (%)	Sở Tài chính	
8.22.	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8.23.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
8.24.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
<b>9</b>	<b>Đào tạo lao động</b>	<b>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội</b>	
9.1.	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
9.2.	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.3.	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.4.	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.5.	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.6.	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.7.	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.8.	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.9.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(%, BLĐTBXH)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.10.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%, BLĐTBXH)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
9.11.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
<b>10</b>	<b>Thiết chế pháp lý và ANTT</b>	<b>Tòa án Nhân dân tỉnh</b>	
10.1.	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN(%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.2.	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ nhũng nhiễu(%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.3.	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ nhũng nhiễu DN(%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.4.	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
10.5.	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.6.	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.7.	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.8.	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	Cục Thi hành án tỉnh	
10.9.	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.10.	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án(%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.11..	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.12.	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh (%, TATC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.13	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm(%, TATC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
10.14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	Công an tỉnh	
10.15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	Công an tỉnh	
10.16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	Công an tỉnh	
10.17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	Công an tỉnh	